

**Quyết định giám đốc thẩm**

Số: 03/2020/KDTM-GĐT

Ngày 31/3/2020

Về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
ỦY BAN THẨM PHÁN  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Với Hội đồng xét xử giám đốc thẩm gồm có:**

*Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Long - Thẩm phán;

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Phước Thanh và ông Đặng Kim Nhân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Tuyết - Thẩm tra viên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Lê Phước Thanh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 31/3/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh thương mại “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế V.

Địa chỉ: Tầng X Tòa nhà C, số P, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc Ch (Chuyên viên chính 1 - Thu hồi nợ KHDN khu vực Miền Trung; địa chỉ: X đường H, quận H, thành phố Đà Nẵng).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đình H - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Đình H (nay đổi tên thành Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại vận tải Nguyễn Đình H); địa chỉ: K đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định và K đường Nguyễn Hữu Th, thành phố Q, Bình Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Ngày 10/7/2014, Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế V - Chi nhánh Q (sau viết tắt là VIB Q) khởi kiện trình bày: Ngày 17/4/2014, Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Đình H (sau đây viết tắt là Doanh nghiệp Nguyễn Đình H) và VIB Q ký *Hợp đồng tín dụng hạn mức* số 0037/HĐTD2-VIB412.13 cam kết cho vay, vay số tiền 2.000.000.000 đồng, trong thời hạn 12 tháng, lãi suất 11,6%/năm và được điều chỉnh mỗi tháng 1 lần cộng biên độ giao động là 4,7%/năm. Để bảo đảm trả nợ cho VIB Q thì ngày 23/4/2009 vợ chồng ông Nguyễn Đình H, bà Hồ Thị Nh (với tư cách là người thứ 3) ký với VIB Q *Hợp đồng thế chấp* số 0015/HĐTC2-VIB412.09/BĐ, thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của Ông, Bà tại địa chỉ K Nguyễn Hữu T, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định, được UBND tỉnh Bình Định cấp *Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở quyền sử dụng đất ở* số 37010714 (hồ sơ gốc số 8260) ngày 23/01/2003. Ngày 03/3/2012, vợ chồng ông H, bà Nh ký với VIB Q *Hợp đồng thế chấp* số 0015.01/HĐTC2-VIB412.09/BĐ (nội dung *Hợp đồng thế chấp* này có điều khoản sửa đổi, bổ sung *Hợp đồng thế chấp* số

0015.01/HĐTC2-VIB412.09/BĐ hai bên đã ký trước đó). Các Hợp đồng thế chấp nêu trên đều được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Tính đến ngày 24/5/2014, Doanh nghiệp Nguyễn Đình H nợ VIB Q tổng số tiền 1.303.386.044 đồng (trong đó nợ gốc là 1.292.000.000 đồng, nợ lãi là 11.386.044 đồng), cụ thể: Với *Khế ước nhận nợ* số 0037.25/KUNN2-VIB12.13 ngày 10/02/2014 thì tiền nợ gốc là 391.600.000 đồng, tiền nợ lãi là 3.911.649 đồng; Với *Khế ước nhận nợ* số 0037.26/KUNN2-VIB12.13 ngày 27/2/2014 thì tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng, tiền nợ lãi là 1.997.778 đồng; Với *Khế ước nhận nợ* số 0037.27/KUNN2-VIB12.13 ngày 03/3/2014 thì tiền nợ gốc là 196.500.000 đồng, tiền nợ lãi là 443.216 đồng; Với *Khế ước nhận nợ* số 0037.28/KUNN2-VIB12.13 ngày 05/3/2014 thì tiền nợ gốc là 293.900.000 đồng, tiền nợ lãi là 2.035.735 đồng; Với *Khế ước nhận nợ* số 0037.29 ngày 04/4/2014 thì tiền nợ gốc là 210.000.000 đồng, tiền nợ lãi là 2.097.666 đồng.

Đối với *Khế ước nhận nợ* số 0037.27/KUNN2-VIB12.13 thì ngày 03/5/2014 Doanh nghiệp Nguyễn Đình H trả lãi 1.899.500 đồng, ngày 03/6/2014 trả lãi 1.962.817 đồng, chưa trả gốc. Ngày 10/6/2014, lúc 15h56'53" Doanh nghiệp Nguyễn Đình H nộp 1.106.445.000 đồng chỉ đủ tất toán 4 *Khế ước nhận nợ* (gồm *Khế ước* số 0037.25/KUNN2-VIB12.13, *Khế ước* số 0037.26/KUNN2-VIB12.13, *Khế ước* số 0037.28/KUNN2-VIB12.13 và *Khế ước* số 0037.29/KUNN2-VIB12.13). Do lỗi tác nghiệp của nhân viên Ngân hàng và lỗi hệ thống mạng internet nội bộ Ngân hàng nên Bảng kê *Chi tiết tài khoản khách hàng* DNTN Nguyễn Đình H ngày 11/6/2014 ghi lúc 10h43'35" số dư 1.722.474 đồng, lúc 10h46'16" rút 1.722.474 đồng, nên *số dư cuối: 00 đồng* là không đúng. Theo VIB Q thì Doanh nghiệp Nguyễn Đình H chưa trả nợ gốc *Khế ước nhận nợ* 0037.27/KUNN2-VIB12.13 số tiền 196.500.000 đồng nên yêu cầu trả, đồng thời yêu cầu trả số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (29/9/2015) là 45.434.500 đồng, gồm lãi trong hạn là 1.899.500 đồng, lãi quá hạn là 43.535.000 đồng và trả lãi đến khi thanh toán xong nợ.

- Bị đơn là ông Nguyễn Đình H (chủ Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Đình H) trình bày:

+ Ngày 03/6/2014, Ông đã trả đủ tiền lãi, tiền gốc đối với *Khế ước nhận nợ* số 0037.27, điều này thể hiện tại Bảng kê *Chi tiết tài khoản khách hàng* (do VIB Q lập, lưu giữ và xuất trình) ghi: *Lúc 14h26'26" Nguyễn Đình H trả lãi tất toán KU số 0037.27, lúc 22h08'36" Thu nợ KU 0037.27/DNTN Nguyễn Đình H* và khớp với số liệu ghi tại *Sổ cái tài khoản* của Doanh nghiệp Nguyễn Đình H (bl414).

+ Ngày 10/6/2014, Doanh nghiệp Nguyễn Đình H nộp 1.106.445.000 đồng để tất toán đối với 4 *Khế ước nhận nợ* còn lại, điều này thể hiện tại Bảng kê *Chi tiết tài khoản khách hàng* ghi: *Lúc 15h59'53" Nguyễn Đình H nộp tiền vào TK: 1.106.445.000 đồng*, nên Bảng kê thể hiện DNTN Nguyễn Đình H đã tất toán trước hạn 4 *Khế ước nhận nợ* (gồm *Khế ước* số 0037.25/KUNN2-VIB12.13, *Khế ước* số 0037.26/KUNN2-VIB12.13, *Khế ước* số 0037.28/KUNN2-VIB12.13 và *Khế ước* số 0037.29/KUNN2-VIB12.13).

+ Ngày 11/6/2014, lúc 10h46'18" Doanh nghiệp Nguyễn Đình H rút tiền từ tài khoản số tiền 1.722.474 đồng, nên Bảng kê *Chi tiết tài khoản khách hàng* thể hiện *số dư cuối kỳ của DNTN Nguyễn Đình H bằng: 0*. Trang cuối (trang 7/7)

Bảng kê *Chi tiết tài khoản khách hàng* DNTN Nguyễn Đình H được người lập biểu (giao dịch viên) Phùng Thị Minh H ký, Kiểm soát viên Lê Thị Hồng Q ký, ghi tên.

Ngày 11/6/2014, VIB Q (đại diện là giám đốc kinh doanh - Ngô Hải H) và ông Nguyễn Đình H lập *Biên bản thanh lý hợp đồng* (bl 133) ghi “*Bên vay và bên cho vay đã hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm đối với mỗi bên theo Hợp đồng tín dụng số 0037/HĐTD2-VIB 412.13 ngày 17/4/2013...VIB đã giải tỏa và giao cho chủ tài sản toàn bộ hồ sơ tài sản bảo đảm đã thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp số 0015/HĐTC 2-VIB 412.09/BĐ ngày 23/4/2009 và 0015.01/HĐTC2-VIB 412.09/BĐ ngày 03/03/2012. Kể từ ngày ký Biên bản thanh lý này các bên không còn nghĩa vụ ràng buộc theo hợp đồng tín dụng trên...*”. Như vậy, Doanh nghiệp Nguyễn Đình H không còn nợ VIB Q, nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 58/2015/KDTM-ST ngày 29/9/2015, Tòa án nhân dân thành phố Q quyết định: “1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng Quốc Việt Nam yêu cầu ông Nguyễn Đình H - Chủ DNTN Nguyễn Đình H trả số tiền: Nợ gốc: 196.500.000đ, nợ lãi trong hạn: 1.899.500đ, lãi quá hạn: 43.535.000đ. Tổng cộng: 241.934.000 đồng. 2. Không chấp nhận lời khai của Ngân hàng TMCP Quốc tế yêu cầu Tòa án tuyên “*Biên bản thanh lý Hợp đồng tín dụng ký ngày 11/6/2014 giữa VIB Q và DNTN Nguyễn Đình H để thanh lý HĐTD số 0037/HĐTD2-VIB412.13 vô hiệu do nhầm lẫn*”.

- Tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 04/2016/KDTM-PT ngày 25/3/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của VIB buộc ông H trả VIB 196.943.216đ.

- Ông H có đơn đề nghị giám đốc thẩm. Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 02/2017/KN-KDTM ngày 20/12/2017 Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 04/2016/KDTM-PT ngày 25/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy bản án phúc thẩm và Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 58/2015/KDTM-ST ngày 29/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Q; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Q xét xử sơ thẩm lại vụ án.

- Tại Quyết định giám đốc thẩm số 07/2017/KDTM-GĐT ngày 10/5/2017 Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 04/2016/KDTM-PT ngày 25/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định và Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 58/2015/KDTM-ST ngày 29/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Q; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Q giải quyết sơ thẩm lại với nhận định: “- VIB Q khởi kiện cho rằng ngày 03/6/2014, Doanh nghiệp Nguyễn Đình H chỉ trả lãi Khế ước nhận nợ 0037.27/KUNN2-VIB12.13DNTN số tiền 1.962.817 đồng, chưa trả nợ gốc là 196.500.000 đồng và ngày 10/6/2014 Doanh nghiệp có nộp 1.106.445.000 đồng. Nhưng do lỗi tác nghiệp của nhân viên Ngân hàng, lỗi của hệ thống mạng internet nội bộ Ngân hàng, dẫn đến Bảng kê chi tiết tài khoản thể hiện các Khế ước vay của Doanh nghiệp Nguyễn Đình H đã thanh toán hết nợ gốc, lãi và ngày 11/6/2014 Ngân hàng ký biên bản thanh lý với Doanh nghiệp, đồng thời trả hồ sơ tài sản thế chấp cho khách hàng (bl 406, 382). Vì vậy, VIB Q khởi kiện

yêu cầu Doanh nghiệp Nguyễn Đình H trả nợ gốc 196.500.000 đồng của Khế ước 0037.27/DNTN và yêu cầu trả lãi. Tuy nhiên, tại Bảng kê Chi tiết tài khoản khách hàng do Ngân hàng lưu giữ, xuất trình (bl 59) theo dõi Khế ước 0037.27 của Doanh nghiệp Nguyễn Đình H lại ghi “Ngày 03/6/2014 lúc 14h26’26” Nguyễn Đình H trả lãi tất toán KU số 0037.27; lúc 22h08’36” Thu nợ KU 0037.27/DNTN Nguyễn Đình H và số liệu này trùng với số liệu ghi tại Sổ cái tài khoản của Doanh nghiệp Nguyễn Đình H (bl 414); nguyên nhân của sự trùng khớp này chưa được Tòa án xác minh, làm rõ, cần thiết có thể tổ chức cho các bên đối chất để làm rõ.

- Hệ thống thanh toán qua mạng internet do VIB Q lập, bảo mật nội bộ và chính VIB Q cũng trình bày là đến ngày 17/6/2014 mới phát hiện ra lỗi hệ thống thanh toán (bl 382). Nhưng nguyên nhân lỗi hệ thống mạng nội bộ của VIB Q chưa được làm rõ (cụ thể như khi có sự cố mạng thì nhân viên VIB Q có nhận biết được không? Nếu có sự cố lỗi mạng thì sự cố này được khắc phục như thế nào và thời gian khắc phục là bao lâu? Khi có sự cố lỗi mạng thì việc truy xuất dữ liệu có thực hiện được không? Nếu thực hiện được thì số liệu truy xuất sẽ được cập nhật toàn bộ hay một phần? Ai là người chịu trách nhiệm khi có sự cố lỗi xảy ra đối với hệ thống internet nội bộ của VIB Q? Sự cố lỗi mạng hệ thống internet nội bộ của VIB Q đã được thông báo cho Cơ quan có thẩm quyền như Ngân hàng Nhà nước biết để xử lý và có kết luận gì hay không?) Vì vậy, nếu ngày 03/6/2014 ông Nguyễn Đình H chỉ trả lãi, chưa trả gốc đối với Khế ước nhận nợ 0037.27/KUNN2-VIB12.13 thì lý do vì sao ngày 10/6/2014 ông H chỉ nộp 1.106.445.000 đồng (đủ tất toán 4 Khế ước 0037.25, 0037.26, 0037.28, 0037.29) nhưng lại đề nghị trả nợ tất toán hợp đồng tín dụng như trình bày của VIB Q (bl 282) vấn đề này chưa được xác minh, làm rõ?

- Chị Phùng Thị Minh H (nhân viên giao dịch làm nhiệm vụ thu ngân) và chị Lê Thị Hồng Q (kiểm soát viên) thừa nhận chữ ký tại bảng kê Chi tiết tài khoản khách hàng DNTN Nguyễn Đình H lập ngày 20/6/2014, nhưng cho rằng ngày 03/6/2014 ông H chỉ nộp 1.962.807 đồng trả lãi cho Khế ước nhận nợ 0037.27/KUNN2-VIB12.13, việc các Chị ký tên vào bảng kê Chi tiết tài khoản khách hàng ngày 20/6/2014 xác nhận “lúc 14h26’26” Nguyễn Đình H trả lãi tất toán KU số 0037.27” là “ghi theo lời của ông H” nên cần thu thập quy định của Ngân hàng về quy trình cấp, xác nhận thế nào để xem xét, đánh giá trình bày của chị H và chị Q có căn cứ hay không?

- Khi được hỏi về Biên lai nộp 196.500.000 đồng vào ngày 03/6/2014 thì ông H trình bày: Sau khi nộp 196.500.000 đồng, Ông đưa Biên lai cho chị Mai Thị Kiều D (kế toán) và chị D nói “Chú để lại đây tuần sau chú thanh toán đủ các khế ước còn lại, cháu sẽ tổng hợp trình lãnh đạo VIB làm thủ tục thanh lý hợp đồng 0037 và hoàn trả chủ hồ sơ thế chấp” và ngày 11/6/2014 chị D đã giao cho ông Biên bản thanh lý hợp đồng và hoàn trả toàn bộ hồ sơ tài sản thế chấp. Tại bản tự khai ngày 09/3/2016 của ông Nguyễn Đình H (bl 416) và Bản tự khai ngày 09/3/2016 của VIB Q (bl 405) thể hiện chị Mai Thị Kiều D đã nghỉ việc tại VIB Q, hiện không rõ nơi cư trú và có thông tin chị D đã đi nước ngoài sinh sống nên ông H không đề nghị lấy lời khai của chị D. Xét lời khai của chị D là căn cứ quan trọng khi giải quyết vụ án, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chưa xác minh, làm rõ nơi cư trú của chị D (đang ở trong nước hay đã ra nước ngoài) để lấy lời khai và cho tiến hành đối chất với ông H, chị H, chị Q là thiếu sót trong việc

thu thập chứng cứ.

Với các vấn đề còn chưa được xác minh, làm rõ và thiếu sót trong việc thu thập chứng cứ nêu trên, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ Bảng kê Chi tiết tài khoản khách hàng DNTN Nguyễn Đình H, Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 11/6/2014 (ký giữa đại diện VIB Q là ông Ngô Hải H - giám đốc kinh doanh với Doanh nghiệp Nguyễn Đình H lập – bl 133) để xác định Doanh nghiệp Nguyễn Đình H đã tắt toán trả nợ cho VIB Q đối với cả 5 Khế ước là chưa đủ cơ sở. Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng tại cột Phát sinh có của bảng kê Chi tiết tài khoản khách hàng DNTN Nguyễn Đình H ngày 03/6/2014 không thể hiện ông H đã nộp 196.500.000 đồng để tắt toán nợ gốc của Khế ước 0037.27/DNTN Nguyễn Đình H và ông H không xuất trình được Biên lai nộp số tiền này nên xác định ông H chưa nộp; từ đó buộc Doanh nghiệp Nguyễn Đình H phải nộp và buộc chịu lãi đối với số tiền này cũng là không đủ cơ sở.

- Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 46/2018/KDTM-ST ngày 01/11/2018, Tòa án nhân dân thành phố Q quyết định:

“1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của ngân hàng TMCP Quốc tế V yêu cầu: Ông Nguyễn Đình H - Chủ DNTN Nguyễn Đình H (Nay đổi tên: Công ty TNHH dịch vụ thương mại vận tải Nguyễn Đình H) trả số tiền: Nợ gốc 196.500.000đ của HĐ tín dụng số 0037/HĐTD2-VIB412.13 ngày 17/4/2013 và tiền lãi trong hạn 1.899.500đ, tiền lãi quá hạn 144.172.050đ, tổng cộng 342.571.550đ, lãi tính đến ngày 28.8.2018. Không chấp nhận yêu cầu của ngân hàng TMCP Quốc tế V “Biên bản thanh lý hợp đồng tín dụng ký ngày 11.6.2014 giữa VIB Q và DNTN Nguyễn Đình H để thanh lý hợp đồng tín dụng số 0037/HĐTD2-VIB412.13” vô hiệu do nhầm lẫn.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ngân hàng TMCP Quốc tế V không yêu cầu xem xét đến tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 0015/HĐTC2-VIB412.09 ngày 23/4/2009 và hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số 0015.01/HĐTC2-VIB412.09/BĐ ngày 03/3/2012 giữa ngân hàng TMCP Quốc tế V với vợ chồng ông Nguyễn Đình H, bà Hồ Thị Thị Nh.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Ngân hàng TMCP Quốc tế V phải chịu 17.129.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 4.975.000 đồng theo biên lai thu tiền số 06599 ngày 13/8/2014 của cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Q nên còn phải nộp 12.154.000 đồng.

- Hoàn trả tiền tạm ứng án phí KDTM phúc thẩm cho Ngân hàng TMCP Quốc tế V 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 01549 ngày 15/10/2015 của cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Q

- Ngày 06/11/2018, VIB có đơn kháng cáo.

- Tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 04/2019/KDTM-PT ngày 09/4/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định quyết định sửa bản án sơ thẩm, cụ thể:

“1. Tuyên bố Biên bản thanh lý Hợp đồng ngày 11/6/2014 để thanh lý hợp đồng tín dụng vay hạn mức số: 0037/HĐTD2-VIB412.13 ngày 17/4/2013, giữa Ngân hàng TMCP Quốc tế V - Chi nhánh Q với ông Nguyễn Đình H - Chủ doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Đình H, vô hiệu toàn bộ do bị nhầm lẫn.

2. Buộc ông Nguyễn Đình H - Chủ doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Đình H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Quốc tế V số tiền 196.943.216 đồng (trong đó nợ gốc là 196.500.000đ, nợ lãi là 443.216đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng vay hạn mức số: 0037/HĐTD2-VIB412.13 ngày 17/4/2013.

### 3. Về án phí:

#### 3.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Đình H phải chịu 9.847.160 đồng.
- Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế V phải chịu 7.590.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.975.000đ theo biên lai thu tiền số 06599 ngày 13/8/2014 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q nên Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế V còn phải nộp 2.615.085 đồng.

#### 3.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

- Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế V 200.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 01549 ngày 15/10/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

- Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế V 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000607 ngày 20/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

- Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế V 1.700.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000821 ngày 27/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

- Ông Nguyễn Đình H có đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 04/2019/KDTM-PT ngày 09/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 88/QĐKNGĐT-VKS-KDTM ngày 24/9/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 04/2019/KDTM-PT ngày 09/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 04/2019/KDTM-PT ngày 09/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 46/2018/KDTM-ST ngày 01/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế V khởi kiện cho rằng ngày 03/6/2014, ông Nguyễn Đình H (Chủ Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Đình H) chỉ trả 1.962.817 đồng lãi, chưa trả 196.500.000 đồng gốc của *Khế ước nhận nợ* số 0037.27/KUNN2-VIB12.13DNTN nhưng do lỗi tác nghiệp của nhân viên VIB Q và lỗi hệ thống mạng internet nội bộ VIB Q dẫn đến VIB Q lập bảng kê *Chi tiết tài khoản khách hàng* đối với DNTN Nguyễn Đình H ngày 11/6/2014 ghi “*Lúc 10h43’35” số dư 1.722.474 đồng, lúc 10h46’16” rút 1.722.474 đồng, nên số dư cuối: 00 đồng*”, vì vậy, VIB yêu cầu ông H trả nợ đối với *Khế ước nhận nợ*

0037.27/KUNN2-VIB12.13 số tiền gốc 196.500.000 đồng và yêu cầu trả lãi theo Hợp đồng tín dụng.

[2]. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H trình bày: (i). Ngày 03/6/2014, ông H đã trả đủ gốc, lãi của *Khế ước nhận nợ* số 0037.27 thể hiện tại bảng kê *Chi tiết tài khoản khách hàng* do chính VIB Q lập, lưu giữ và xuất trình (bút lục 59) ghi: *Lúc 14h26'26" Nguyễn Đình H trả lãi tất toán KU số 0037.27, lúc 22h08'36" Thu nợ KU 0037.27/DNTN Nguyễn Đình H* và khớp với số liệu ghi tại *Sổ cái tài khoản* của Doanh nghiệp Nguyễn Đình H (bl 414); (ii). Ngày 10/6/2014, ông H nộp 1.106.445.000 đồng để tất toán 4 *Khế ước nhận nợ* còn nên bảng kê *Chi tiết tài khoản khách hàng* DNTN Nguyễn Đình H do VIB Q lập, lưu giữ và xuất trình ghi: *"Lúc 15h59'53" Nguyễn Đình H nộp tiền vào TK: 1.106.445.000 đồng... tất toán trước hạn"* 4 *Khế ước nhận nợ* (gồm *Khế ước* số 0037.25/KUNN2-VIB12.13, *Khế ước* số 0037.26/KUNN2-VIB12.13, *Khế ước* số 0037.28/KUNN2-VIB12.13 và *Khế ước* số 0037.29/KUNN2-VIB12.13); (iii). Ngày 11/6/2014, lúc 10h46'18" Doanh nghiệp Nguyễn Đình H rút tiền từ tài khoản số tiền 1.722.474 đồng, nên Bảng kê *Chi tiết tài khoản khách hàng* thể hiện *số dư cuối kỳ của DNTN Nguyễn Đình H bằng: 0*. Trang cuối (trang 7/7) Bảng kê *Chi tiết tài khoản khách hàng* DNTN Nguyễn Đình H được người lập biểu (giao dịch viên) Phùng Thị Minh H ký, Kiểm soát viên Lê Thị Hồng Q ký, ghi tên và ngày 11/6/2014, Giám đốc kinh doanh của VIB Q (ông Ngô Hải H) và ông Nguyễn Đình H lập *Biên bản thanh lý hợp đồng* (bl 133) ghi *"Bên vay và bên cho vay đã hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm đối với mỗi bên theo Hợp đồng tín dụng số 0037/HĐTD2-VIB 412.13 ngày 17/4/2013...VIB đã giải tỏa và giao cho chủ tài sản toàn bộ hồ sơ tài sản bảo đảm đã thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp số 0015/HĐTC 2-VIB 412.09/BĐ ngày 23/4/2009 và 0015.01/HĐTC2-VIB 412.09/BĐ ngày 03/03/2012. Kể từ ngày ký Biên bản thanh lý này các bên không còn nghĩa vụ ràng buộc theo hợp đồng tín dụng trên..."*. Vì vậy, ông H không chấp nhận trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn.

[3]. Xét thấy, vụ án đã trải qua 02 vòng xét xử sơ thẩm, phúc thẩm. Sau khi xét xử sơ thẩm, phúc thẩm lần thứ nhất, đã bị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm và Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy bản án phúc thẩm và bản án sơ thẩm giao hồ sơ về giải quyết sơ thẩm lại với các vấn đề mấu chốt đặt ra cần xem xét, giải quyết là: (i). Cần xác minh, làm rõ cần thiết thì tổ chức đối chất lý do Bảng kê *Chi tiết tài khoản khách hàng* DNTN Nguyễn Đình H do VIB Q lập, lưu giữ, xuất trình (bl 59) ghi *"Ngày 03/6/2014 lúc 14h26'26" Nguyễn Đình H trả lãi tất toán KU số 0037.27; lúc 22h08'36" Thu nợ KU 0037.27/DNTN Nguyễn Đình H"* trùng với số liệu ghi tại *Sổ cái tài khoản* do DNTN Nguyễn Đình H lập (bl 414); (ii). Làm rõ sự cố mạng nội bộ VIB Q xảy ra (nếu có) khi nào, nhân viên VIB Q có nhận biết được không khi mà VIB Q trình bày đến ngày 17/6/2014 mới biết (bl 382)? Khi có sự cố lỗi mạng thì việc truy xuất dữ liệu có thực hiện được không, nếu thực hiện được thì số liệu truy xuất sẽ được cập nhật toàn bộ hay một phần? Ai là người chịu trách nhiệm khi có sự cố lỗi mạng nội bộ của VIB Q? Nếu có sự cố lỗi mạng nội bộ thì VIB Q đã thông báo cho Cơ quan có thẩm quyền như Ngân hàng Nhà nước biết để xử lý và có kết luận gì hay không?; (iii). Chị Phùng Thị Minh H (nhân viên thu ngân) và chị Lê Thị Hồng Q (kiểm soát viên) cho rằng

các Chi lập và ký tên vào bảng kê *Chi tiết tài khoản khách hàng* DNTN Nguyễn Đình H là “*ghi theo lời của ông H*” nên cần thu thập quy định của VIB về quy trình cấp, xác nhận để đối chiếu, đánh giá; (iv). Ông H khai sau khi nộp 196.500.000 đồng, ông H đưa Biên lai cho chị Mai Thị Kiều D (kế toán) và chị D nói “*Chủ để lại đây tuần sau chủ thanh toán đủ các khế ước còn lại, cháu sẽ tổng hợp trình lãnh đạo VIB làm thủ tục thanh lý hợp đồng 0037 và hoàn trả chủ hồ sơ thế chấp*” và ngày 11/6/2014 chị D đã giao cho ông *Biên bản thanh lý hợp đồng* và hoàn trả toàn bộ hồ sơ tài sản thế chấp, nhưng Tòa án các cấp chưa xác minh, làm rõ nơi cư trú của chị D (đang trong nước hay đã ra nước ngoài) để lấy lời khai và cho tiến hành đối chất với ông H, chị H, chị Q là thiếu sót trong việc thu thập chứng cứ.

[4]. Sau khi Tòa án nhân dân thành phố Q thụ lý vụ án để xét xử sơ thẩm lại lần thứ 2 thì tại Công văn số 4.0586.18 ngày 17/4/2018 (bl 678, 679) VIB trả lời như sau “*Hệ thống mạng nội bộ của VIB là quản lý trên toàn hệ thống, không riêng gì VIB Q, việc truy xuất thông tin dư nợ của khách hàng bị thiếu nội dung dư nợ của DNTN Nguyễn Đình H chỉ là lỗi nhỏ của phần mềm không phải cả hệ thống mạng bị lỗi nên nhân viên VIB Q không biết có lỗi mạng tại thời điểm ngày 10/6/2014 nên không thông báo và yêu cầu khắc phục sự cố tại VIB cũng như thông báo cho cơ quan có thẩm quyền (như NHNN). Đến ngày 17/6/2014, khi VIB Q đóng tài khoản của khách hàng không được, kiểm tra và phát hiện dư nợ của DNTN Nguyễn Đình H vẫn còn thì mới biết việc truy xuất thông tin dư nợ của DNTN Nguyễn Đình H vào ngày 10/6/2014 bị lỗi, tuy nhiên các giao dịch khác của hệ thống vào ngày 10/6/2014 vẫn hoạt động bình thường*”. Xét, hệ thống thanh toán qua mạng của VIB Q chạy trên cơ sở phần mềm toàn hệ thống do VIB quản lý nên sự cố lỗi hệ thống thanh toán qua mạng tại thời điểm ngày 10/6/2014 chỉ xảy ra tại VIB Q và với riêng trường hợp của DNTN Nguyễn Đình H nhưng đến ngày 17/6/2014 khi VIB Q đóng tài khoản của khách hàng mới phát hiện lỗi riêng tài khoản DNTN Nguyễn Đình H là không có cơ sở. Hơn nữa ông Nguyễn Ngọc Ch (đại diện theo ủy quyền của VIB, Chuyên viên phụ trách mảng KHDN) khai mâu thuẫn trước sau, cụ thể phiên tòa sơ thẩm ngày 29/9/2015 ông Chính khai “*Lỗi do nhân viên Ngân hàng, không khai báo do lỗi mạng*” (bl 182) nhưng tại Biên bản đối chất ngày 09/6/2015 ông Chính khai “*Do sơ suất nên nhân viên VIB Q chỉ thu tất toán 04 KUNN*” (bl 143) và Biên bản đối chất ngày 27/01/2016 ông Chính lại khai “*...do lỗi của hệ thống mạng internet chứ không phải lỗi do con người...*” (bl 397), như vậy trình bày của VIB cho rằng ông H chưa trả số nợ gốc 196.500.000 đồng cho *Khế ước nhận nợ* 0037.27/KUNN2-VIB12.13 nhưng do lỗi hệ thống mạng nên VIB Q ghi nhầm “*Ngày 03/6/2014 lúc 14h26’26” Nguyễn Đình H trả lãi tất toán KU số 0037.27; lúc 22h08’36” Thu nợ KU 0037.27/DNTN Nguyễn Đình H*” để yêu cầu ông H trả tiếp cho *Khế ước* 0037.27 là không có cơ sở.

[5]. Đối với trình bày của chị Phùng Thị Minh H (nhân viên thu ngân) và chị Lê Thị Hồng Q (kiểm soát viên) thừa nhận chữ ký của mình tại bảng kê *Chi tiết tài khoản khách hàng* DNTN Nguyễn Đình H có ghi “*Nguyễn Đình H trả lãi tất toán KU số 0037.27*” là “*ghi theo lời của ông H*” là không có cơ sở vì việc ghi nội dung chuyển tiền thanh toán là nghiệp vụ đương nhiên cán bộ Ngân hàng được đào tạo phải biết. Đối với nhận định của Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng ông H không xuất trình được Biên lai của VIB Q thu số tiền 196.500.000 đồng cho *Khế ước*

nhận nợ 0037.27 cho thấy ông H chưa trả khoản tiền này, vấn đề này Hội đồng xét xử cấp giám đốc thẩm thấy rằng ông H khai sau khi nộp cả gốc, lãi để tất toán *Khế ước nhận nợ* 0037.27, được cấp Biên lai thì ông H đưa Biên lai cho chị Mai Thị Kiều D (kế toán) và chị D nói “*Chú để lại đây tuần sau chú thanh toán đủ các khế ước còn lại, cháu sẽ tổng hợp trình lãnh đạo VIB làm thủ tục thanh lý hợp đồng 0037 và hoàn trả chủ hồ sơ thế chấp*” và ngày 11/6/2014 chị D đã giao cho ông Biên bản thanh lý hợp đồng và hoàn trả toàn bộ hồ sơ tài sản thế chấp” nhưng hiện nay chị D đã định cư tại Úc không xác định được địa chỉ nên nhận định nêu trên của Tòa án cấp phúc thẩm là thiên lệch, không khách quan vì không xem xét toàn diện các chứng cứ khác như: Bảng kê *Chi tiết tài khoản khách hàng* DNTN Nguyễn Đình H do VIB Q lập, lưu giữ và xuất trình ghi “Ngày 03/6/2014 lúc 14h26’26” Nguyễn Đình H trả lãi tất toán KU số 0037.27; lúc 22h08’36” Thu nợ KU 0037.27/DNTN Nguyễn Đình H”, điều này trùng với số liệu ghi tại *Sổ cái tài khoản* do DNTN Nguyễn Đình H lập; *Biên bản thanh lý hợp đồng* ngày 11/6/2014 do Giám đốc kinh doanh VIB Q (ông Ngô Hải H) ký xác nhận DNTN Nguyễn Đình H đã tất toán toàn bộ các Khế ước nhận nợ, đồng thời bàn giao trả tài sản thế chấp cho ông H.

[6]. Với các tài liệu được dẫn chứng, phân tích tại các mục nêu trên, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm xét thấy bản án sơ thẩm lần thứ 02 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của VIB là có cơ sở, đúng pháp luật; còn Bản án phúc thẩm lần thứ hai chấp nhận yêu cầu khởi kiện của VIB là không có căn cứ nên cần chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 88/QĐKNGĐT-VKS-KDTM ngày 24/9/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, hủy bản án phúc thẩm lần thứ hai, giữ nguyên bản án sơ thẩm lần thứ hai. Do cấp giám đốc thẩm hủy bản án phúc thẩm nên VIB được hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 337, khoản 2 Điều 343, Điều 344 và Điều 349 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

**A.** Hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 04/KDTM-PT ngày 09/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 46/2018/KDTM-ST ngày 01/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định, cụ thể:

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Quốc tế V yêu cầu ông Nguyễn Đình H - Chủ DNTN Nguyễn Đình H (nay đổi tên là Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại vận tải Nguyễn Đình H) trả số tiền nợ gốc 196.500.000 đồng của Hợp đồng tín dụng số 0037/HĐTD2-VIB412.13 ngày 17/4/2013 và tiền lãi trong hạn 1.899.500đ, tiền lãi quá hạn 144.172.050đ, tổng cộng 342.571.550 đồng, lãi tính đến ngày 28.8.2018. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Quốc tế V yêu cầu Tòa án tuyên bố “Biên bản thanh lý hợp đồng tín dụng ký ngày 11/6/2014 giữa Ngân hàng TMCP Quốc tế V - Chi nhánh Q với DNTN Nguyễn Đình H để thanh lý hợp đồng tín dụng số 0037/HĐTD2-VIB412.13” vô hiệu do nhầm lẫn.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng TMCP Quốc tế V không yêu cầu xem xét đến tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 0015/HĐTC2-VIB412.09

ngày 23/4/2009 và hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số 0015.01/HĐTC2-VIB412.09/BĐ ngày 03/3/2012 giữa ngân hàng TMCP Quốc tế V – Chi nhánh Q với vợ chồng ông Nguyễn Đình H, bà Hồ Thị Thị Nh.

**3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:**

- Ngân hàng TMCP Quốc tế V phải chịu 17.129.000 đồng, trừ vào số tiền 4.975.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 06599 ngày 13/8/2014 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q nên còn phải nộp 12.154.000 đồng.

- Hoàn trả Ngân hàng TMCP Quốc tế V 200.000 đồng tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 01549 ngày 15/10/2015 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q

**B. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:**

- Hoàn trả Ngân hàng TMCP Quốc tế V 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000607 ngày 20/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

- Hoàn trả Ngân hàng TMCP Quốc tế V 1.700.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000821 ngày 27/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

**C. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.**

**Nơi nhận:**

- Viện trưởng VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định (để biết);
- Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định (để biết);
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Bình Định (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng GDKT về DS-LĐ-KDTM và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Long**